

ngày 07 tháng 10 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện đa khoa Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

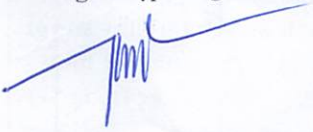
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu	768.495.533.025	540.307.854.839	70,31%	126,83%
1	Ngân sách Nhà nước	25.500.544.025	25.500.544.025	100,00%	1179,78%
2	Dịch vụ y tế	652.049.543.000	457.869.361.834	70,22%	124,52%
3	Thu khác (hoạt động dịch vụ)	90.945.446.000	56.937.948.980	62,61%	101,43%
II	Tổng chi	768.495.533.025	501.857.057.064	65,30%	127,94%
A	Tổng chi thường xuyên	767.116.336.025	500.702.413.217	65,27%	127,88%
	Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân	116.749.648.000	170.297.123.119	145,87%	125,51%
1	Tiền lương	40.268.973.000	60.136.857.201	149,34%	140,87%
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	6.656.318.000	16.034.582.237	240,89%	132,53%
3	Phụ cấp lương	56.758.788.000	76.093.760.616	134,07%	111,87%
4	Tiền thưởng	1.053.850.000	-		
5	Phúc lợi tập thể	12.111.000	6.292.000	51,95%	51,95%
6	Các khoản đóng góp	11.999.608.000	18.025.631.065	150,22%	140,88%
	Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ	644.415.244.025	318.380.377.711	49,41%	129,77%
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	10.110.103.000	11.735.217.886	116,07%	110,35%
8	Vật tư văn phòng	7.071.566.000	7.564.214.528	106,97%	229,12%
9	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1.009.254.000	820.215.962	81,27%	87,51%
10	Công tác phí	445.211.000	535.869.784	120,36%	127,36%
11	Chi phí thuê mướn	11.970.330.000	3.541.896.764	29,59%	144,44%
12	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	35.115.736.000	18.331.820.016	52,20%	611,91%
13	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	15.490.000.000	16.177.261.553	104,44%	186,70%
14	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	563.203.044.025	259.673.881.218	46,11%	120,31%
	Nhóm 3: Các khoản chi khác	5.951.444.000	12.024.912.387	202,05%	114,41%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
15	Chi khác	5.428.604.000	12.024.912.387	221,51%	118,76%
16	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	472.840.000	-		
17	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	50.000.000	-		
B	Trích bổ sung chi lương	1.379.197.000	1.154.643.847	83,72%	159,82%

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Đăng Website BVT;
- Lưu TCKT.

Người lập bảng



Lê Nguyễn Kiều My

Kế toán trưởng



Phan Thụy Thu Vân



Lê Huy Thạch